

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRIỆU PHONG
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 11/4/2025

“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU PHONG, TỈNH QUẢNG TRỊ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Đăng Khoa.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Thế Nam và bà Nguyễn Thị Diệp.

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Phong tham gia phiên tòa:
Bà Ngô Thị Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 23/2025/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2025 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2025 giữa:

- Nguyên đơn: Bà Trương Thị Thanh H, sinh năm 1990; nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

- Bị đơn: Ông Lê Quang T, sinh năm 1981; nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị, có đơn xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 11 tháng 02 năm 2025 của nguyên đơn bà Trương Thị Thanh H thì nội dung vụ án như sau:

Bà Trương Thị Thanh H và ông Lê Quang T yêu nhau tự nguyện, đăng ký kết hôn vào năm 2015, tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị. Sau kết hôn, vợ chồng sinh sống và làm việc tại thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị. Mặc dù thời gian vợ chồng chung sống với nhau không dài nhưng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là quan niệm sống và cách nhìn nhận cuộc sống không phù hợp, vợ chồng không có tiếng nói chung. Sự việc cứ lặp đi lặp lại nhiều lần khiến cho cuộc sống vợ chồng ngột ngạt, mặc dù hai bên gia đình đã cố gắng hòa giải, can thiệp nhưng hai bên vẫn không thể kiềm chế nổi bức xúc mỗi khi cùng sống trong một mái nhà. Năm 2021, 2022 ông T phạm tội, sau đó bị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị xử phạt 07 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 18/2023/HS-ST ngày 30/5/2023. Từ đó đến nay vợ chồng không quan tâm, liên lạc với nhau. Nay bà H thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không đạt được mục đích, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài nên bà H đề nghị Tòa án giải quyết cho bà H được ly hôn ông Lê Quang T.

Về con chung: Quá trình hôn nhân, vợ chồng có 03 con chung là cháu Lê Bảo N, sinh ngày 07/4/2010; cháu Lê Quốc B, sinh ngày 23/4/2011 và cháu Lê Phúc A, sinh ngày 07/01/2020. Hiện 03 cháu đang được bà H nuôi dưỡng. Khi ly hôn, bà Trương Thị Thanh H có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 03 cháu và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn: Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng đúng theo quy định pháp luật cho ông Lê Quang T được biết. Tuy nhiên, ông T hiện đang chấp hành án tại Trại giam Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Do đó ông T đã làm đơn đề nghị giải quyết vắng mặt và trình bày ý kiến của mình về vụ án. Trong đơn trình bày ông T cho biết: ông T và bà H kết hôn với nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng sinh sống tại nhà bố, mẹ ông T sau đó vợ chồng ông làm nhà riêng tại thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị. Quá trình chung sống hai vợ chồng sống hạnh phúc và sinh được 03 người con chung. Kể từ năm 2022 ông đi chấp hành án tại trại giam Đ, thời gian đầu bà H có ra thăm gặp một lần, những năm trở lại đây bà H không có ra thăm ông nữa. Nay bà H làm đơn ly hôn, ông vẫn còn tình cảm nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Quá trình hôn nhân, vợ chồng có 03 con chung là cháu Lê Bảo N, sinh ngày 07/4/2010; cháu Lê Quốc B, sinh ngày 23/4/2011 và cháu Lê Phúc A, sinh ngày 07/01/2020. Hiện 03 cháu đang được bà H nuôi dưỡng tại nhà bố mẹ đẻ bà H. Trong thời gian các cháu sinh sống với bà H thì ông và gia đình không có điều kiện để chu cấp các cháu ăn học mà chỉ riêng bà H nuôi dưỡng các cháu. Nếu bà H vẫn kiên quyết ly hôn và Tòa án cũng giải quyết ly hôn thì ông đề nghị Tòa án giao cả 03 cháu cho bà H trực tiếp chăm sóc. Do ông đang chấp hành án nên ông không có điều kiện cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Phong có ý kiến như sau:

Về thủ tục tố tụng: Về việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng: từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 207, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, xử cho bà Trương Thị Thanh H được ly hôn với ông Lê Quang T. Về con chung: Giao cho bà Trương Thị Thanh H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Bảo N, sinh ngày 07/4/2010; cháu Lê Quốc B, sinh ngày 23/4/2011 và cháu Lê Phúc A, sinh ngày 07/01/2020. Bà H không yêu cầu ông Lê Quang T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Ông Lê Quang T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Về tài sản chung, nợ chung: các

đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Về án phí: Bà Trương Thị Thanh H phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả công bố tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 13 tháng 02 năm 2025, Tòa án thụ lý vụ án tranh chấp về ly hôn giữa nguyên đơn bà Trương Thị Thanh H và bị đơn ông Lê Quang T theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án tổng đạt các văn bản về vụ án cho ông T được biết. Tuy nhiên hiện ông T đang chấp hành án tại Trại giam Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình theo bản án số 18/2023/HS-ST ngày 30/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị. Vì vậy ông T đã làm đơn xin vắng mặt các buổi làm việc và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt ông. Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Trương Thị Thanh H có mặt, bị đơn ông Lê Quang T vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị Thanh H và ông Lê Quang T yêu nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị theo đúng quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng sinh sống với nhau tại nhà bố, mẹ chồng, sau đó vợ chồng xây nhà riêng ở thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị. Theo đơn trình bày của bà H thì nguyên nhân ly hôn là vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, do quan điểm sống của hai người khác nhau nên dẫn đến mâu thuẫn và thường xuyên cãi vã nhau. Đến năm 2021, 2022 ông T phạm tội, sau đó bị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị xử phạt 07 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 18/2023/HS-ST ngày 30/5/2023. Từ đó bà H mang các con về sinh sống cùng bố mẹ đẻ, một mình nuôi dưỡng các cháu. Vì vậy, bà H muốn ly hôn ông T để mỗi người tự lo cuộc sống riêng cho mình. Tại bản trình bày ý kiến ngày 07/3/2025 của ông T, ông T cho biết mình vẫn còn tình cảm với bà H và không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà H, tuy nhiên nếu bà H vẫn cương quyết ly hôn thì ông đề nghị Tòa án giao các cháu cho bà H nuôi dưỡng. Ngày 25/3/2025, Tòa án tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân giữa ông T và bà H tại UBND xã T. Qua xác minh tại UBND xã T được biết: Ông T, bà H đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T vào ngày 30/12/2015. Sau khi ông T chấp hành án thì bà H đã mang theo các cháu về nhà bố mẹ đẻ ở thành phố Đ sinh sống. Quá trình chung sống với nhau, giữa ông T và bà H cũng phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng hay gây gổ, thậm chí đánh đập nhau.

Qua xem xét đơn ly hôn của bà H, ý kiến trình bày của ông T và kết quả xác minh tình trạng hôn nhân giữa ông T và bà H tại UBND xã T, Hội đồng xét xử thấy: Quá trình sống với nhau, giữa bà H và ông T phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, nhiều lần gây gổ, đánh đập nhau. Hiện tại

ông T đang chấp hành bản án 07 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Trại giam Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình theo bản án số 18/2023/HS-ST ngày 30/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị. Thời gian chấp hành án của ông T còn dài, tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông T không tồn tại trên thực tế. Mặc dù Tòa án đã tiến hành hòa giải tuy nhiên bà H vẫn cương quyết ly hôn bởi vì mục đích hôn nhân của bà và ông T không đạt được. Tại phiên tòa, bà H vẫn có nguyện vọng tiếp tục ly hôn ông T. để thuận tiện trong việc xử lý các vấn đề về nhân thân của bà H. Hội đồng xét xử nhận thấy, trong thời gian ông T chưa đi chấp hành án, hôn nhân giữa ông T và bà H đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, hiện tại và trong nhiều năm tới hôn nhân giữa ông T và bà H thực tế không tồn tại, bà H thể hiện sự cương quyết muốn ly hôn với ông T. Do đó cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho bà H được ly hôn ông T.

[3] Về con chung: Quá trình hôn nhân, vợ chồng có 03 con chung là cháu Lê Bảo N, sinh ngày 07/4/2010; cháu Lê Quốc B, sinh ngày 23/4/2011 và cháu Lê Phúc A, sinh ngày 07/01/2020. Hiện 03 cháu đang được bà H nuôi dưỡng tại nhà bố mẹ đẻ bà H ở thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Quá trình giải quyết vụ án, ngày 14/3/2025 Tòa án đã lấy ý kiến cháu Lê Bảo N, sinh ngày 07/4/2010; cháu Lê Quốc B, sinh ngày 23/4/2011 về việc ly hôn giữa ông T và bà H. Trong biên bản các cháu đều có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng với bà H. Nguyên vọng của bà H là được tiếp tục nuôi dưỡng 03 cháu và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung. Trong bản ý kiến ngày 07/3/2025 ông T cũng có đề nghị nếu bà H cương quyết ly hôn ông xin giao 03 cháu cho bà H nuôi dưỡng, hiện ông đang chấp hành án nên không có điều kiện chu cấp cho các cháu. Qua ý kiến, nguyện vọng của các đương sự, nguyện vọng của các cháu và tình hình thực tế, Hội đồng xét xử nhận thấy, cần giao cả 03 cháu là cháu Lê Bảo N, sinh ngày 07/4/2010; cháu Lê Quốc B, sinh ngày 23/4/2011 và cháu Lê Phúc A, sinh ngày 07/01/2020 cho bà Trương Thị Thanh H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện thực tế và quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Trương Thị Thanh H nộp đơn ly hôn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí, tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Trương Thị Thanh H được ly hôn ông Lê Quang T.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Bảo N, sinh ngày 07/4/2010; cháu Lê Quốc B, sinh ngày 23/4/2011 và cháu Lê Phúc A, sinh ngày 07/01/2020 cho bà Trương Thị Thanh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà Trương Thị Thanh H không yêu cầu ông Lê Quang T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Trương Thị Thanh H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000309 ngày 12/02/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị (bà H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm).

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND huyện Triệu Phong;
- CCTHADS huyện Triệu Phong;
- UBND xã Triệu Ái;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Đăng Khoa